

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST

Ngày: 09/01/2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Ông Đỗ Xuân Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký TAND quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 09/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM thụ lý số 24/2020/TLST-KDTM, ngày 26/9/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-KDTM ngày 26/11/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2019/QĐST-KDTM, ngày 19/12/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần A. Địa chỉ: 14 đường L, phường 2, quận T, Tp Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Thanh Đ**; Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền Ông Nguyễn Hồng H - sinh năm: 1961; Địa chỉ: Số 29 đường T, phường P, quận Q, TP Hồ Chí Minh, theo văn bản ủy quyền ngày 26/9/2019. *Có mặt.*

- Bị đơn: Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông T; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang T, chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: K45A/10 đường K, phường T, quận K, TP Đà Nẵng. *Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ngày 26.3.2016, Công ty Cổ phần A và Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông T ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 01/2016/KU/ACC245 vay số tiền 3.000.000.000đ của Công ty Cổ phần A để bổ sung vốn kinh doanh thi công Gói thầu 05,06 đường vào đồn BP Đắk Sứ. Thời hạn vay 6 tháng, lãi suất cố định là 12%/năm. Công ty Cổ phần A đã giải ngân chuyển vào tài khoản cho Công ty Cổ phần xây dựng Công trình Giao thông T số tiền 3.000.000.000 đồng vào ngày 23/5/2016. Tuy nhiên, do Công trình thi công kéo dài nên công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông T có công văn số 01/TB xin gia hạn khoản tiền vay trên và Công ty Cổ phần A đã đồng ý cho gia hạn khoản vay tới 01 năm sau cho đến ngày 23/11/2017. Nhưng đến nay đã quá thời hạn vay mà Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông T vẫn chưa trả cho Công ty chúng tôi.

Nay Công ty Cổ phần A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông T phải trả số tiền 4.890.000.000đ (*Bốn tỷ tám trăm chín*

mười triệu đồng) trong đó nợ gốc: 3.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn từ ngày 23.5.2016 đến 23.8.2016 là 90.000.000 đồng, lãi quá hạn từ ngày 24.8.2016 đến ngày xét xử 09.01.2020 là 1.800.000.000 đồng.

Đại diện Bị đơn Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông T ông Nguyễn Quang T có ý kiến: Vào năm 2013, Công ty có lo các thủ tục liên quan đến công trình đường vào đồn BP Đắk Sứ - Kom Tum và ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 01/2016/KU/ACC245 vay số tiền 3.000.000.000 đồng, để bổ sung vốn kinh doanh thi công Gói thầu 05,06, đường vào đồn BP Đắk Sứ. Thời hạn vay 6 tháng, lãi suất cố định là 12%/năm để trả nợ cho nhân viên. Hiện nay khối lượng bên chủ đầu tư còn nợ Công ty chúng tôi gần 4.000.000.000 đồng. Tôi thống nhất là có vay số tiền gốc 3.000.000.000đ và mong muốn Công ty Cổ phần A không tính lãi cho chúng tôi.

Thời gian trước khi Công ty Cổ phần A cổ phần hóa ông Nguyễn Thành Đ đã mượn Công ty Cổ phần A.1 tại Đà Nẵng (do tôi làm giám đốc) số tiền 1.500.000.000 đồng qua tài khoản 130.320.618.9274 tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Hà Thành chuyển ngày 13.02.2015 của nhân viên công ty anh Đ tên Nguyễn Thị T và tôi cũng đã chuyển cho ông Đ số tiền 1.000.000.000 đồng để trả cho Công ty Cổ phần A.

Như vậy, tổng số tiền công ty chúng tôi đã đưa lại cho Công ty Cổ phần A là 2.500.000.000 đồng, nay Công ty chỉ đồng ý trả số tiền là 500.000.000 đồng, riêng tiền lãi Công ty mong muốn Công ty Cổ phần A không tính lãi cho chúng tôi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án KDTM về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông T tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Theo Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 01/2016/KU/ACC245, ngày 26/3/2016 thì Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông T có vay của Công ty Cổ phần A số tiền 3.000.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh thi công Gói thầu 05,06 đường vào đồn BP Đắk Sứ. Thời hạn vay 6 tháng, lãi suất cố định là 12%/năm, phạt chậm trả lãi: Chậm trả dưới 10 ngày: Tối thiểu 3% trên số tiền chậm trả lãi; Chậm trả từ 10 - 30 ngày: Tối thiểu 5% trên tổng số tiền chậm trả lãi; Chậm trả trên 30 ngày: Tối thiểu 7% trên số tiền chậm trả lãi. Ngay sau khi hợp đồng nói trên có hiệu lực thì Công ty Cổ phần A đã giải ngân số tiền trên cho Công ty Cổ phần Giao thông T vào ngày 23/5/2016. Khi đến hạn thanh toán, do Công trình thi công kéo dài nên công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông T có công văn số 01/TB xin gia hạn khoản tiền vay trên và Công ty Cổ Phần A đã cho gia hạn khoản vay trên đến ngày 23/11/2017 (chỉ gia hạn cho chậm trả nợ, tuy nhiên tiền

lãi trong hạn và quá hạn vẫn phải tính theo Hợp đồng vay, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 23/5/2016 đến ngày 23/11/2016). Đến nay, Công ty Cổ phần Giao Thông T chưa trả cho Công ty Cổ phần A số tiền nợ nói trên bao gồm cả gốc và lãi.

[3] Tại phiên tòa Công ty Cổ phần A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông T phải trả số tiền nợ tổng cộng 4.890.000.000 đồng, trong đó nợ gốc: 3.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 12%/năm, từ ngày 23.5.2016 đến 23.8.2016 là 06 tháng = 90.000.000 đồng, lãi quá hạn từ ngày 24.8.2016 đến ngày 09.01.2019 là 1.800.000.000 đồng; tiền phạt chậm trả lãi Nguyên đơn không yêu cầu. Công ty T cho rằng đã trả cho Công ty A số tiền 2.500.000.000 đồng là không có căn cứ nên đề nghị HĐXX không chấp nhận ý kiến trên của Công ty T.

[4] Đại diện Bị đơn Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông T tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Biên bản hòa giải ông T là giám đốc có ý kiến: Ông thừa nhận có ký kết Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 01/2016/KU/ACC245 vay của Công ty cổ phần A số tiền 3.000.000.000 đồng để bổ sung vốn kinh doanh thi công Gói thầu 05, 06 đường vào đồn BP Đắc Sứ. Thời hạn vay và lãi suất như Nguyên đơn trình bày là đúng. Do làm ăn khó khăn nên các khách hàng còn nợ Công ty số tiền 4.000.000.000 đồng chưa trả nên Công ty chưa có tiền trả cho Công ty cổ phần A. Tuy nhiên, Công ty đã chuyển trả cho Công ty Cổ phần A.1 tại Đà Nẵng số tiền 1.500.000.000 đồng, qua tài khoản 130.320.618.9274 tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Hà Thành chuyển ngày 13.02.2015, tài khoản này của nhân viên công ty A tên Nguyễn Thị T và công ty cũng đã chuyển cho ông Đ (Giám đốc) số tiền 1.000.000.000 đồng để trả nợ cho Công ty Cổ phần A. Do đó, tổng số tiền công ty đã đưa lại cho Công ty Cổ phần A là 2.500.000.000 đồng, nay Công ty chỉ đồng ý trả số tiền 500.000.000 đồng và mong muốn Công ty Cổ phần A không tính lãi.

[5] Xét yêu cầu của Nguyên đơn và ý kiến của bị đơn thì thấy: Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 01/2016/KU/ACC245, ngày 26/3/2016 là hợp đồng vay tín chấp không đảm bảo bằng tài sản, phù hợp với nội dung, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận. Căn cứ vào nội dung Hợp đồng và sự thừa nhận của Công ty cổ phần xây dựng công trình giao thông T xác định Công ty Cổ phần Giao Thông T có nợ Công ty Cổ phần A số tiền gốc 3.000.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty cổ phần Giao Thông T chưa thanh toán cho Công ty Cổ phần A toàn bộ số tiền nợ. Nay đã quá thời hạn trả nợ theo Hợp đồng vay tài sản và cả thời gian mà Công ty A cho gia hạn nhưng Công ty T vẫn chưa thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, mặc dù Công ty cổ phần A đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Như vậy, Công ty cổ phần Giao Thông T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các cam kết trong Hợp đồng cho vay tài sản kiêm khế ước nhận nợ nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần A, buộc Công ty cổ phần Giao Thông T phải trả cho công ty cổ phần A số tiền nợ gốc 3.000.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

[6] Về tiền lãi Nguyên đơn yêu cầu lãi suất 12%/năm và lãi suất quá hạn không quá 150% lãi suất trong hạn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật tại các Điều 474, 476 Bộ luật dân sự 2005 và Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết nên HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên, Nguyên đơn yêu cầu tính lãi trong hạn chỉ 03 tháng từ ngày 23/5/2016 đến ngày 23/8/2016 HĐXX không có căn cứ chấp nhận vì

theo Hợp đồng tín dụng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày giải ngân nên lãi trong hạn được tính cho Bị đơn là 06 tháng (từ ngày 23/5/2016 đến ngày 23/11/2016), lãi quá hạn bắt đầu tính từ ngày 24/11/2016 là hoàn toàn phù hợp. Cụ thể lãi được tính như sau:

- Lãi trong hạn 12%/năm = 1%/tháng: Số tiền vay 3.000.000.000 đồng: Từ ngày 23/5/2016 đến ngày 23/11/2016 là 06 tháng: Số tiền: $3.000.000.000đ \times 1\%/tháng \times 06 \text{ tháng} = 180.000.000đ$.

- Lãi quá hạn 18%/năm:

+ Từ ngày 24/11/2016 đến ngày 24/11/2019 là 03 năm: $3.000.000.000đ \times 18\% \times 03 \text{ năm} = 1.620.000.000đ$.

+ Từ ngày 25/11/2019 đến ngày 25/12/2019 là 01 tháng: $3.000.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 01 \text{ tháng} = 45.000.000đ$.

+ Từ ngày 26/12/2019 đến ngày 09/01/2020 là 15 ngày: $3.000.000.000đ \times 0,05\%/ngày \times 15 \text{ ngày} = 22.500.000đ$.

Tổng số tiền lãi là: 1.867.500.000 đồng. Cả gốc và lãi buộc Công ty cổ phần xây dựng công trình Giao Thông T phải trả cho Công ty cổ phần A là 4.867.500.000 đồng.

[7] Ý kiến của bị đơn cho rằng đã trả cho Nguyên đơn số tiền 2.500.000.000 đồng nhưng Nguyên đơn không thừa nhận, mà bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh; về tiền lãi Bị đơn xin không tính lãi nhưng Nguyên đơn không đồng ý nên HĐXX không có căn cứ chấp nhận những ý kiến này của Bị đơn.

[8] Án phí KDTM sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu trên số tiền phải trả 4.867.500.000 đồng = 112.867.500 đồng. Nguyên đơn phải chịu trên số tiền không chấp nhận yêu cầu là: 22.500.000 đồng = 3.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 471, 472, 473, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ban hành ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Công ty cổ phần A đối với bị đơn Công ty Cổ phần xây dựng công trình Giao thông T.

2. Xử: Buộc Công ty cổ phần xây dựng công trình Giao Thông T phải trả cho Công ty cổ phần A số tiền: 4.867.500.000 đồng (Bốn tỷ tám trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng); trong đó tiền gốc: 3.000.000.000 đồng; lãi trong hạn: 180.000.000 đồng; lãi quá hạn: 1.687.500.000 đồng (lãi tính từ ngày 23/5/2016 đến ngày 09/01/2020).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá

mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Án phí KDTM sơ thẩm Bị đơn Công ty cổ phần Giao Thông Bách Thạc phải chịu: 112.867.500 đồng (Một trăm mười hai triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Nguyên đơn phải chịu trên số tiền không chấp nhận yêu cầu: 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà Nguyên đơn đã nộp là 56.355.000 đồng (Năm mươi sáu triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, theo biên lai thu số 5171 ngày 25 tháng 9 năm 2019. Số tiền tạm ứng án phí còn lại 53.355.000 đồng (Năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng) được hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần A.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hằng

